TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2026/HS-ST
Ngày: 10 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Phương Thảo.
2. Ông Nguyễn Thế Căn.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: bà Nguyễn Phương Thảo, thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần: ông Nguyễn Ngọc K Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên toà tại điểm cầu trung tâm: ông Đặng Quang Q - Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh tại điểm cầu thành phần: ông Đặng Đức A – Kiểm tra viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh và điểm cầu thành phần: phân trại tạm giam M – Trại tạm giam Công an tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn L, tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 11 năm 2001, tại phường Q, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi thường trú: B, phường Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: phố A, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M và bà Đàm Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2025 tại giam tại Phân trại tạm giam M – Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: khu B, phường H, thành phố M (nay là phường M) tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn L sử dụng ma túy từ khoảng năm 2024, để có tiền sử dụng ma túy, L đi mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Trong khoảng thời gian từ ngày

19/6/2025 đến 25/6/2025, L 04 (bốn) lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Anh T1, cùng là nhân viên quán bar L1 thuộc khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh với L, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 20 giờ ngày 19/6/2025, T1 nhắn tin thỏa thuận mua của L 01 túi ma túy Ketamine, với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, T1 chuyển khoản tiền mua ma túy vào tài khoản ngân hàng M1 số 0865253210 của L. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/6/2025, L gọi T1 vào nhà vệ sinh quán BaL1 đưa cho 01 túi ma túy Ketamine. T1 mang ma túy về phòng trọ của mình tại khu phố H, phường M, một mình sử dụng hết.

Lần thứ hai: khoảng 22 giờ ngày 20/6/2025, T1 tiếp tục nhắn tin cho L mua 01 túi ma túy Ketamine với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển khoản của T1, đến khoảng 03 giờ ngày 21/6/2025, L gọi T1 vào nhà vệ sinh quán Bar L1. Số ma túy này T1 mang về phòng trọ một mình sử dụng hết.

Lần thứ ba: cũng với cách thức như trên, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/6/2025, T1 chuyển khoản cho L 2.000.000 đồng để mua 01 túi ma túy Ketamine, L đã giao ma túy cho T1 tại nhà vệ sinh. Sau khi bán ma túy cho T1, L về phòng trọ tại khu phố H, phường M, một mình bỏ 01 túi Ketamine ra tờ tiền 5.000 đồng nghiền nhỏ rồi dùng tờ tiền 5.000 đồng khác cuộn tròn tự sử dụng hết. Còn T1 mang về phòng trọ đổ hết ra tờ tiền 2.000 đồng tự nghiền nhỏ rồi một mình dùng ống hút sử dụng hết.

*Lần thứ tư: v*ới cách thức tương tự, khoảng 01 giờ ngày 25/6/2025, sau khi nhận được 2.000.000 đồng chuyển khoản mua ma túy của T1, L đã bán cho T1 01 túi ma túy Ketamine. T1 mang về phòng trọ đổ ra tờ tiền 1.000 đồng nghiền nhỏ rồi dùng ống hút một mình sử dụng hết.

Đến 15 giờ 30 phút ngày 28/6/2025, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra, phòng chống tội phạm ma túy Công an tỉnh Q phối hợp với Công an phường H (nay là phường M) tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy đối với Nguyễn Anh T1, kết quả T1 dương tính với chất ma tuý Ketamine. T1 khai nhận việc 04 lần mua ma túy Ketamine của L về sử dụng như nội dung trên và giao nộp: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (ký hiệu M1) và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (ký hiệu M2) đều được gấp gọn bên trong chứa chất bột màu trắng.

Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 28/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra an tỉnh Q tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Văn L. Thu giữ của L: 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng (ký hiệu M3, M4), bên trong chứa chất bột màu trắng và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh gắn sim số 0865.253.210.

Tại kết luận giám định số 863 ngày 04/7/2025 của Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Q kết luận: Mẫu vật ký hiệu từ M1 đến M4 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng như sau: M1, M2, M3 đều dạng vết không xác định được; M4: 0,022 gam.

Quá trình điều tra, bị can Bùi Văn L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, L còn khai: nguồn gốc 05 túi ma túy Ketamine Long bán cho T1 và sử dụng cho bản thân là mua của Phạm Hà T2, sinh năm 1983, trú tại khu phố H, phường M với giá 9.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKSKV6 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo có lời khai phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại cơ quan điều tra xác nhận về thời gian, địa điểm số lần mua, số tiền mua và loại ma túy phù hợp với lời khai của bị cáo. Sau các lần nhận ma túy T1 mang về phòng trọ tự sử dụng hết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn L: từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước chiếc 01 chiếc điện thu giữ của bị cáo và số tiền 10.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng).

Tịch thu sung ngân sách 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng thu giữ của Nguyễn Anh T1.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim gắn trong điện thoại di động bị thu giữ.

Buộc bị cáo Bùi Văn L phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng do bán ma túy mà có.

Bị cáo không tranh luận gì với nội dung bản luận tội, bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và trình bày lời nói sau cùng: xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 19/6/2025 đến 25/6/2025, tại quán bar L1 thuộc khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Bùi Văn L đã 04 (bốn) lần bán trái phép 04 (bốn) túi ma túy, loại Ketamine cho Nguyễn Anh T1 với số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và gây dư luận xấu trong xã hội. Bị cáo là người trưởng thành nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì hám lời nên đã thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Như vậy, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành của tội: "*Mua bán trái phép chất ma tú*y" theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Bị cáo L thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần thuộc trường hợp *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

4 Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần thiết xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

5 Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

6 Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

7 Xét lời khai của bị cáo về đối tượng Phạm Hà T2 là người bán ma túy L, tuy nhiên T2 không thừa nhận, quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh T2 là người bán ma túy cho bị cáo nên không xét.

8 Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Anh T1 đã bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Q xử phạt hành chính theo quy định nên không xét.

9 Về vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước; 01 thẻ sim lắp trong điện thoại thu giữ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng) thu giữ của bị cáo là tiền bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng thu giữ của Nguyễn Anh T1 là tài sản của T1 nên trả lại cho T1.

10 Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền do bán ma túy mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự

11 Về án phí: bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

12 Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn L: 08 (tám) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2025

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh và số tiền 10.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng). Trả lại cho Nguyễn Anh T1 1 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng. Các tờ tiền được niêm phong trong phong bì ghi số: *863/KL-KTHS ……..*

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim gắn trong điện thoại di động bị thu giữ.

(*Tình trạng các vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số: 62*/2026/BB-THADSKV6 ngày 22/01/2026 *giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Ninh*).

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn L phải nộp lại số tiền 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1,4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV06 CA tỉnh Quảng Ninh
- VKSND KV 6- Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Trại tạm giam CA tỉnh QN
- Bị cáo, người có QLNVLQ
- Phòng THADS KV6- Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Nga